TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN,** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST
Ngày 15 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tân Việt
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Hải Yến
Ông Đinh Công Ó

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo: Giàng A P, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1991 tại Phù Yên; nơi cư trú: Bản TT, xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: H'Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng A Nh; con bà: Sồng Thị S; bị cáo có vợ là Phàng Thị Gi; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 7 năm 2020 đến nay; "có mặt".

- *Bị hại:* Anh Phàng A K, sinh năm 1980, nơi cư trú: Bản Trung Thành, xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; "vắng mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Mùi Văn Kh, sinh năm 1985, nơi cư trú: bản Hợp Bông, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, "vắng mặt".

- *Người phiên dịch:* ông Cầm Đình Cốc, nơi cư trú: tiểu khu 7, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoản 19 giờ ngày 27/5/2020, trên đường đi làm nương về, bị cáo P đi qua nhà gia đình anh Phàng A K (ở cùng bản Trung Thành, xã KB) , bị cáo nhìn thấy có 02 con dê đang ở trong chuồng. Quan sát xung quanh thấy không có người, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 con dê của gia đình anh K. Bị cáo đi vào bên trong chuồng dê, tháo dây buộc con dê mẹ rồi dắt ra khỏi chuồng, con dê con tự đi theo dê mẹ. Bị cáo tiếp tục dắt 02 con dê đi về nhà mình và buộc dê cách nhà khoảng 20 mét. Đến khoảng 05 giờ ngày 28/5/2020, bị cáo dắt 02 con dê vừa chiếm đoạt được của gia đình anh K bán cho anh Mùi Văn Kng ở bản Hợp Bông, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La với số tiền 2.500.000 đồng. Số tiền bán dê, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 07/7/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La yêu cầu định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐGTS ngày 07/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản- UBND huyện Phù Yên kết luận (Bút lục số 94): 02 con dê trị giá: 3.660.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số: 57/CT – VKS - PY ngày 26/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố P về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Hành vi của bị cáo P đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo P từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phàng A K 02 con dê (01 dê mẹ và 01 dê con). Buộc bị cáo Páo phải bồi thường cho ông Mùi Văn Kng khoản tiền 2.500.000 đồng.

Trong phần đối đáp, bị cáo P nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có trình bày ý kiến bằng văn bản, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mùi Văn Kng gửi đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường khoản tiền ông Kng đã chi trả để mua 02 con dê là 2.500.000 đồng.

Kết thúc tranh luận, bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù

Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt 02 con dê của gia đình anh Phàng A K. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại cũng như của những người làm chứng; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo kết luận định giá tài sản, 02 con dê của anh Phàng A K có trị giá 3.660.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì " Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm". Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội không lớn. Tuy nhiên, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là trái pháp luật. Tuy nhiên, do hám lợi trước mắt, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bản thân là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội khó khăn; trình độ học vấn thấp(không biết chữ).

[3.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân là người dân tộc ít người, trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật có nhiều hạn chế. Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Từ việc phân tích, đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt

tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn (Bút lục số 143). Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản bị chiếm đoạt là 02 con dê cho chủ sở hữu hợp pháp - anh Phàng A K. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng quy định chủa pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt bị hại đã nhận lại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Mùi Văn Kng số tiền 2.500.000 đồng.

[8] Về biện pháp ngăn chặn, do đến ngày xét xử, thời hạn tạm giam đối với bị cáo P đã hết nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[9] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các Điều 117, 122, 123,131của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo P phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 07/7/2020).

2. Về vật chứng: Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phàng A K 02 con dê (01 con dê mẹ và 01 con dê con).

3. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Páo phải bồi thường cho ông Mùi Văn Kng khoản tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Bị cáo P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2020); bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại (nếu có);
- VKSND huyện Phù Yên; } Giao
- Người bào chữa (nếu có);
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra- CA huyện ;
- CQ Thi hành án hình sự; } Gửi
- Trại TG (nhà tạm giam);
- Sở tư pháp tỉnh;
- Người có QL,NVLQ (nếu có);
- Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Tân Việt